

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

MÔN HỌC: KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 8

(Năm học 2023 - 2024)

I. Kế hoạch dạy học

HK 1 (18 tuần)	Chương 1,2 (GV Hóa)	Chương 3,4(GV Lí)	Ôn tập, kiểm tra	Tổng 70 tiết
	3+41 tiết	19 tiết	7 tiết	
HK 2 (17 tuần)	Chương 5,6 (tiếp GV Lí)	Chương 7,8(GV Sinh)	Ôn tập, kiểm tra	Tổng 70 tiết
	20 tiết	43 tiết	7 Tiết	
Cả năm	140 tiết			

Kiểm tra giữa kỳ I: tuần 9; Kiểm tra học kỳ I: tuần 18

Kiểm tra giữa kỳ II: tuần 26; Kiểm tra học kỳ II: tuần 35

STT	Chương	Bài học (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3) (Tuần)	TT tiết	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)	Ghi chú
1	Mở đầu 3 tiết	Bài 1: Sử dụng một số hoá chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm	3	1	1,2,3	- Dụng cụ: cốc thủy tinh, phễu thủy tinh, ống đong hình trụ,	Phòng Hóa sinh - Lớp học	Hóa

						<p>ống nghiệm, kẹp gỗ, ống hút hóa chất - Hóa chất: Một số lọ hóa chất. - Máy tính, tivi.</p>	(tiết 1)	
2	<p>Chương I - PHẢN ỨNG HOÁ HỌC 21 tiết</p>	Bài 2. Phản ứng hoá học	3	1 + 2	4,5,6	<p>Số lượng 01 bộ gồm: - Dụng cụ: Giá sắt, đèn cồn, ống nghiệm, thìa xúc hóa chất, ống hút hóa chất, kẹp gỗ. - Hóa chất: Bột sắt(iron, Fe), bột Lưu huỳnh (Sulfur, S) dd hydro chloric acid (HCl), sodium hydroxide (NaOH), copper(II) sulfate (CuSO₄), barium chlorile (BaCl₂), kẽm (zinc, Zn) - Máy tính, tivi.</p>	Phòng Hóa sinh - Lớp học	Hóa
		Bài 3. Mol và tỉ khối chất khí	2	2	7,8	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Hóa
		Bài 4. Dung dịch và nồng độ dung dịch	4	3	9,10, 11,12	<p>Số lượng 01 bộ gồm: - Dụng cụ: cốc thủy tinh 100ml, thìa xúc hóa chất, ống hút hóa chất, đĩa thủy tinh. - Hóa chất: Muối ăn hạt, copper(II) sulfate (CuSO₄), nước - Máy tính, tivi.</p>	Lớp học	Hóa

		Bài 5. Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hoá học	4	4	13,14, 15,16	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Hóa
		Bài 6. Tính theo phương trình hoá học	5	5,6	17,18, 19,20, 21	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Hóa
		Bài 7. Tốc độ phản ứng và chất xúc tác	3	6	22 23,24	Số lượng 01 bộ gồm: - Dụng cụ: ống nghiệm, kẹp gỗ, cốc thủy tinh 50ml, thìa xúc hóa chất, ống hút hóa chất. - Hóa chất: dung dịch HCl 0,1M, dung dịch HCl 1M, đinh sắt, viên C sủi, đá vôi dạng viên, đá vôi dạng bột, nước oxy già (y tế) H ₂ O ₂ 3%, manganese dioxide (MnO ₂ , dạng bột) - Máy tính, tivi.	Phòng Hóa sinh (tiết 22, 23)	Hóa
3	Chương II - MỘT SỐ CHẤT THÔNG DỤNG 20 tiết	Bài 8. Acid	4	7	25, 26, 27,28	Số lượng 01 bộ gồm: - Dụng cụ: ống nghiệm, kẹp gỗ, ống hút hóa chất, thìa xúc hóa chất - Hóa chất: dd HCl 1M, giấy quỳ tím, kẽm, sắt - Máy tính, tivi.	Lớp học	Hóa
		Bài 9. Base. Thang pH	4	8	29, 30,	Số lượng 01 bộ	Lớp học.	Hóa

					31, 32	gồm: - Dụng cụ: ống nghiệm, kẹp gỗ, ống hút hóa chất. - Hóa chất: dd HCl, dd NaOH, giấy quỳ tím, giấy tẩm phenolphthalein. - Máy tính, tivi.		
4		Ôn tập giữa HK I	1	9	33	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Hóa
5		Kiểm tra giữa HK I	2	9	34, 35	Đề kiểm tra, ma trận, đáp án, biểu điểm	Lớp học	Hóa
	Chương II - MỘT SỐ CHẤT THÔNG DỤNG 20 tiết	Bài 10. Oxide	4	10	36, 37, 38,39	Số lượng 01 bộ gồm: - Dụng cụ: ống nghiệm, kẹp gỗ, ống hút hóa chất, nút cao su có ống thủy tinh hình chữ L, thìa xúc hóa chất. - Hóa chất: dd HCl, đá vôi (CaCO_3), nước vôi trong (Ca(OH)_2), CuO bột, dd H_2SO_4 loãng. - Máy tính, tivi.	Lớp học	Hóa
		Bài 11. Muối	5	10,11	40, 41,42, 43,44	Số lượng 01 bộ gồm: - Dụng cụ: ống nghiệm, kẹp gỗ, ống hút hóa chất, thìa xúc hóa chất. - Hóa chất: dd H_2SO_4 loãng, dd NaOH, dd	Lớp học	Hóa

						CuSO ₄ , ddNa ₂ SO ₄ , dd BaCl ₂ , đinh sắt. - Máy tính, tivi.		
		Bài 12. Phân bón hoá học	3	12	45, 46, 47	- Mẫu các sản phẩm phân bón. - Máy tính, tivi.	Lớp học.	Hóa
6	Chương III - KHỐI LƯỢNG RIÊNG VÀ ÁP SUẤT 14 tiết	Bài 13. Khối lượng riêng	2	12,13	48, 49	- Máy tính, tivi.	Phòng bộ môn Vật lí (tiết 48)	Lí
		Bài 14. Thực hành xác định khối lượng riêng	3	13	50, 51, 52	Số lượng 03 bộ, mỗi bộ gồm: - Dụng cụ: Khối gỗ hình hộp chữ nhật; ống đong; cốc thủy tinh 100ml - Máy tính, tivi.	Phòng bộ môn Vật lí	Lí
		Bài 15. Áp suất trên một bề mặt	3	14	53, 54,55	Số lượng 01 bộ gồm: - Dụng cụ: 2 khối sắt giống nhau có dạng hình hộp chữ nhật; 1 chậu thủy tinh; bột mịn. - Máy tính, tivi.	Phòng bộ môn Vật lí - Lớp học	Lí
		Bài 16. Áp suất chất lỏng. Áp suất khí quyển	3	14,15	56,57, 58	Số lượng 01 bộ gồm: - Dụng cụ: Bình hình trụ có đáy C và các lỗ A, B ở thành bình được	Phòng bộ môn Vật lí - Lớp học	Lí

						bịt bằng màng cao su mỏng; Bình lớn chứa nước có chiều cao khoảng 50cm. - Máy tính, tivi.		
		Bài 17. Lực đẩy Archimedes	3	15,16	59, 60, 61	Số lượng 01 bộ gồm: - Dụng cụ: Lực kế 2N; Quả nặng; Bình tràn; Ống đong; giá sắt thí nghiệm, cốc thủy tinh chia độ 50ml. - Máy tính, tivi.	Phòng bộ môn Vật lí - Lớp học (tiết 60)	Lí
7	Chương IV - TÁC DỤNG LÀM QUAY CỦA LỰC 5 tiết	Bài 18. Tác dụng làm quay của lực. Moment lực	2	16	62,63	Số lượng 01 bộ gồm: - Dụng cụ: Giá thí nghiệm; quả nặng có móc treo. - Máy tính, tivi.	Phòng bộ môn Vật lí - Lớp học	Lí
		Bài 19. Đòn bẩy và ứng dụng	3	16,17	64, 65, 66	Số lượng 01 bộ gồm: - Dụng cụ: Giá thí nghiệm; Lực kế; quả nặng có móc treo. - Máy tính, tivi.	Phòng bộ môn Vật lí - Lớp học	Lí
8		Ôn tập cuối học kì I	2	17	67, 68	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Lí, Hóa
9		Kiểm tra cuối học kì I	2	18	69, 70	Đề kiểm tra, đáp án, biểu điểm.	Lớp học	

10	Chương V - ĐIỆN 11 tiết	Bài 20. Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát	2	18	71, 72	Số lượng 01 bộ gồm: - Dụng cụ: Giá thí nghiệm; đĩa thủy tinh. - Máy tính, tivi.	Phòng bộ môn Vật lí - Lớp học	Lí
		Bài 21. Dòng điện, nguồn điện	1	19	73	Số lượng 01 bộ gồm: - Dụng cụ: Nguồn điện 3V; bóng đèn pin 2,5V; dây nối; công tắc; dây nhôm; đồng; nhựa. - Máy tính, tivi.	Phòng bộ môn Vật lí - Lớp học	Lí
		Bài 22. Mạch điện đơn giản	3	19	74, 75, 76	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Lí
		Bài 23. Tác dụng của dòng điện	2	20	77, 78	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Lí
		Bài 24. Cường độ dòng điện và hiệu điện thế	1	20	79	Số lượng 01 bộ gồm: - Dụng cụ: Nguồn điện (pin) 1,5V, 3V, 4,5V, biến trở, ampe kế, vôn kế; bóng đèn 1,5V; công tắc; dây nối. - Máy tính, tivi.	Lớp học	Lí
		Bài 25. Thực hành đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế	2	20, 21	80, 81	Số lượng 03 bộ, mỗi bộ gồm: - Dụng cụ: Nguồn	Phòng bộ môn Vật lí	Lí

						điện (pin) 1,5V, 3V, 6V, biến trở, ampe kế, vôn kế; bóng đèn 6V - 0,5A; công tắc; dây nối. - Máy tính, tivi.		
11	Chương VI - NHIỆT (Năng lượng và cuộc sống) 9 tiết	Bài 26. Năng lượng nhiệt và nội năng	2	21	82, 83	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Lí
		Bài 27. Thực hành đo năng lượng nhiệt bằng joulemeter	1	21	84	- Máy tính, tivi.	Phòng bộ môn Vật lí	Lí
		Bài 28. Sự truyền nhiệt	3	22	85, 86, 87	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Lí
		Bài 29. Sự nở vì nhiệt	3	22, 23	88, 89, 90	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Lí
12	Chương VII - SINH HỌC CƠ THỂ NGƯỜI 28 tiết	Bài 30. Khái quát về cơ thể người	1	23	91	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
		Bài 31. Hệ vận động ở người	3	23,24	92, 93, 94	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
		Bài 32. Dinh dưỡng và tiêu hoá ở người	4	24,25	95, 96, 97,98	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
		Bài 33. Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người	3	25,26	99, 100, 101	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
13		Ôn tập giữa HK II	1	26	102	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
14		Kiểm tra giữa HK II	2	26	103,104	Đề kiểm tra, đáp án, biểu điểm.	Lớp học	
15		Bài 34. Hệ hô hấp ở người	3	27	105,106	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh

					107			
	Chương VII - SINH HỌC CƠ THỂ NGƯỜI 28 tiết	Bài 35. Hệ bài tiết ở người	3	27,28	108,109 110	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
		Bài 36. Điều hoà môi trường trong của cơ thể người	1	28	111	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
		Bài 37. Hệ thần kinh và các giác quan ở người	3	28,29	112, 113,114	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
		Bài 38. Hệ nội tiết ở người	2	29	115,116	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
		Bài 39. Da và điều hoà thân nhiệt ở người	2	30	117,118	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
		Bài 40. Sinh sản ở người	3	30,31	119,120 121	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
16	CHƯƠNG VIII - SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG (Môi trường - hệ sinh thái + Sinh quyển và các khu sinh học trên Trái Đất) 15 tiết	Bài 41. Môi trường sống và các nhân tố sinh thái	2	31	122,123	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
		Bài 42. Quần thể sinh vật	2	31,32	124,125	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
		Bài 43. Quần xã sinh vật	2	32	126,127	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
		Bài 44. Hệ sinh thái	2	32,33	128,129	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
		Bài 45. Sinh quyển	2	33	130,131	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
		Bài 46. Cân bằng tự nhiên	2	34	132,133	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
		Bài 47. Bảo vệ môi trường	3	34	134,135, 136	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Sinh
17		Ôn tập cuối HK II	2	35	137,138	- Máy tính, tivi.	Lớp học	Lí, Sinh
18		Kiểm tra cuối HKII	2	35	139,140	Đề kiểm tra, ma trận, đáp án, biểu điểm	Lớp học	

PHÂN BỐ SỐ TIẾT CÁC LĨNH VỰC MÔN KHTN 8

TỔNG MÔN	TỈ LỆ	SỐ TIẾT QUY ĐỔI	LĨNH VỰC
140	2%	3	Giới thiệu về KHTN (Hóa)
	28%	41	KHTN - Hóa học
	20%	39	KHTN - Vật lí
	38%	43	KHTN - Sinh học
	10%	14	Kiểm tra và đánh giá giữa kì, cuối kì I, II.

Tổng số tiết 140 trong đó chia theo lĩnh vực: Hóa: 44, Sinh: 43, Vật lí: 39, Ôn tập, kiểm tra định kì: 14

....., ngày 26 tháng 8 năm 2023

Tổ chuyên môn

Nhóm GV làm kế hoạch